TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 659/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2025.
V/v trAh chấp ly hôn.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Đình Lăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hiền;

2. Ông Phạm Minh Khiết.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Châu Nguyệt Thiện - thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1265/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "TrAh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh Tr, sinh ngày: 07/01/1985; CCCD số: xxxxxxxxx961 Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021;

Nơi thường trú: ấp TH, xã CH, huyện BĐ, tỉnh BT; Nơi thực tế cư trú, sinh sống: 97 đường số 24A, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày: 10/7/1985; CCCD số: xxxxxxxxx830 Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/9/2022;

Nơi thường trú: xóm 5, xã XL, huyện HN, tỉnh NA; Nơi thực tế cư trú, sinh sống: 97 đường số 24A, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị Thanh Tr và bản tự khai của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh Tr trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T quen biết và tự nguyện đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 10/4/2018 của UBND xã CH, huyện BĐ, tỉnh BT cấp). Sau nhiều năm chung sống hạnh phúc và có với nhau hai người con chung sinh năm 2018 và 2020, đến năm 2020 vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng trong đời sống tình cảm và kinh tế. Hai vợ chồng không còn quA tâm chăm sóc nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và ảnh hưởng Nêm trọng đến sự phát triển bình thường của các con chung. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Phương N, sinh ngày: 12/9/2018 và Nguyễn Phạm Phương A, sinh ngày 12/10/2020. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu A vì từ nhỏ đến lớn bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và bà có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: đảm bảo đúng thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thanh Tr. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Phạm Phương N và Nguyễn Phạm Phương A cho bà Phạm Thị Thanh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn xin ly hôn của bà T, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn"; Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại 97 đường số 24A, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

2.1 Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2 Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thanh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1, Điều 228 và điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh Tr với ông Nguyễn Văn T:

3.1 Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn hôn số 18, ngày 10/4/2018 của UBND xã CH, huyện BĐ, tỉnh BT cấp và lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

3.2 Xét lời khai của bà T có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định giữa bà T và ông T từ năm 2020 đến nay đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng trong đời sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T không còn muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với ông T nữa. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn không có mặt tại Toà và không đưa ra phương án hòa giải mâu thuẫn gia đình, chứng tỏ ông T không còn muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà T. Do đó cần căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh Tr.

[4] Về con chung: Bà T và ông T có có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Phương N, sinh ngày: 12/9/2018 và Nguyễn Phạm Phương A, sinh ngày 12/10/2020; Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Phương N và Nguyễn Phạm Phương A và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì từ trước đến nay bà vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, bà có đủ điện kiện kinh tế để lo cho con nên cần căn cứ quy định tại khoản 3, điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, giao cháu Nguyễn Phạm Phương N và Nguyễn Phạm Phương A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Cần căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bà Phạm Thị Thanh Tr chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do bà Phạm Thị Thanh Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010904 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thanh Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thanh Tr đối với ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh Tr được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 10/4/2018 của UBND xã CH, huyện BĐ, tỉnh BT cấp cho bà Phạm Thị Thanh Tr và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh Tr giao hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Phương N, sinh ngày: 12/9/2018 và Nguyễn Phạm Phương A, sinh ngày 12/10/2020 cho bà Phạm Thị Thanh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà Phạm Thị Thanh Tr không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Thanh Tr và ông Nguyễn Văn T phải thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Thanh Tr nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Thanh Tr đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010904 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thanh Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Đình Lăng

Nơi nhận:
- VKSND quận Bình Tân;
- TAD Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.